

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày: 04/10/2019

‘V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản’

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khánh.
2. Ông Cáo Hậu.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Phú – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-DS ngày 10/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị S, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố 3, phường 2, thị xã Q, tỉnh Q. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tứ, sinh năm 1994; địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Q là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 2, phường An Đông, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2019, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Vào ngày 12/10/2017 anh Nguyễn Ngọc T có vay của chị Lê Thị S với số tiền là 297.000.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu đồng). Hai bên lập thành văn bản ghi

giấy vay tiền. Theo giấy vay tiền ngày 12/10/2017 thời hạn anh T phải trả số tiền nêu chi chị S là 8 tháng kể từ ngày vay tiền (tức là đến ngày 12/6/2018 hết hạn theo giấy vay. Bên cạnh phải trả số tiền gốc đã vay anh T còn phải thanh toán tiền lãi suất hàng tháng cho chị S. Tuy nhiên đến nay anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền gốc và lãi suất cho chị S. Chị S đã nhiều lần liên lạc, trao đổi, gặp gỡ nói chuyện với anh T để yêu cầu anh T trả tiền gốc và lãi suất cho chị S nhưng anh T vẫn không chịu trả tiền mà cứ hứa hẹn, trốn tránh.

Vì vậy, chị Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Q giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả nợ cho chị S số tiền gốc đã vay là 297.000.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu đồng); tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước 15%/năm đối với lãi trong hạn và lãi chậm trả tạm tính đến ngày khởi kiện 12/5/2019 là 70.537.500 đồng (bảy mươi triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Trong đó, lãi trong hạn: Từ ngày 12/10/2017 đến ngày 12/6/2018 (8 tháng) $15\%/12 \times 8 \text{ tháng} = 29.700.000 \text{ đồng}$, lãi chậm trả: Từ ngày 13/6/2018 đến ngày 12/5/2019 (11 tháng) = 40.837.500 đồng.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn anh Nguyễn Ngọc T phải trả cho chị S tổng cộng số tiền là 377.343.722 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng). Trong đó, tiền gốc là 297.000.000 đồng; tiền lãi là 80.343.722 đồng (Tiền lãi bao gồm: lãi trong hạn từ ngày 12/10/2017 đến ngày 12/6/2018 là $10\%/năm = 297.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 8 \text{ tháng} = 19.720.800 \text{ đồng}$; lãi chậm trả lãi trong hạn từ ngày 13/6/2018 đến ngày xét xử 04/10/2019 là $10\%/năm = 19.720.800 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 15 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 2.569.817 \text{ đồng}$; lãi quá hạn từ ngày 13/6/2018 đến ngày xét xử 04/10/2019 là $15\%/năm = 297.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\% \times 15 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 58.053.105 \text{ đồng}$.

Anh Nguyễn Ngọc T trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị S đề ngày 12/5/2019, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua chị Lê Thị S và bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường An Đông, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh T vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai anh T vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Giấy vay tiền đề ngày 12/10/2017 được ký kết giữa chị Lê Thị S và anh Nguyễn Ngọc T là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Giấy vay tiền đề ngày 12/10/2017 thì bị đơn phải trả số tiền gốc 297.000.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận sau tám tháng kể từ ngày vay. Đến ngày 12/6/2018 là hết hạn theo giấy vay nhưng đến nay anh Nguyễn Ngọc T vẫn chưa thanh toán cho chị S khoản tiền nào, nên anh T đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S về việc đòi nợ gốc 297.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự)

Về khoản nợ lãi: Hợp đồng vay tài sản của chị S và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định của pháp luật. Tại Giấy vay tiền đề ngày 12/10/2017 thì hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ về lãi suất. Tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T phải thanh toán số tiền lãi là 80.343.722 đồng (tám mươi triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng). Trong đó: lãi trong hạn 19.720.800 đồng (tính từ ngày vay 12/10/2017 đến ngày 12/6/2018 là 10%/năm); lãi chậm trả lãi trong hạn 2.569.817 đồng (tính từ ngày 13/6/2018 đến ngày xét xử 04/10/2019 là 10%/năm); lãi quá hạn 58.053.105 đồng (tính từ ngày 13/6/2018 đến ngày xét xử 04/10/2019 là 15%/năm). Vì vậy, yêu cầu của phía nguyên đơn tính lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn tổng cộng 80.343.722 đồng là có cơ sở (Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015).

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc T phải thanh toán số tiền nợ gốc 297.000.000 đồng và tiền lãi là 80.343.722 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị S.

Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả cho chị Lê Thị S số tiền 377.343.722 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng). Trong đó, tiền gốc là 297.000.000 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu đồng); tiền lãi 80.343.722 đồng (tám mươi triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 18.867.186 đồng (mười tám triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm tám mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.188.437 đồng (chín triệu một trăm tám mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000610 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Khánh

Cao Hậu

Phan Thị Hạnh